**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I (KHUNG MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ)**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN- LỚP 6**

***Thời gian làm bài: 90 phút***

**I. Khung ma trận**

**1. Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì I, khi kết thúc nội dung: Một số lương thực, thực phẩm .*

**2. Thời gian làm bài:** *60 phút.*

**3. Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**4. Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 8 câu, thông hiểu: 6 câu; vận dụng: 2 câu ), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 2,0 điểm; Thông hiểu: 1,5 điểm; Vận dụng: 1,5 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

**5. Chi tiết khung ma trận**

**KHUNG MA TRẬN**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ** | **Tổng số câu TN, số ý TL** | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| **Mở đầu** **(6 tiết)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** |
| 1. Giới thiệu về Khoa học tự nhiên |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| 2. Các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| 3. Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành | Ý 1 | 2 |  |  |  |  |  |  | 1 | 2 | 1,0 |
| **Các phép đo (9 tiết)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **3** |
| 1. Đo chiều dài |  |  |  | 1 |  | 1 |  |  |  | 2 | 0,5 |
| 2. Đo khối lượng |  |  |  |  | Ý 8 |  |  |  | 1 |  | 0,5 |
| 3. Đo thời gian |  |  |  | 1 | Ý 9 | 1 |  |  | 1 | 2 | 1,25 |
| 4. Thang nhiệt độ Celsius - Đo nhiệt độ |  |  |  |  | Ý 10 |  |  |  | 1 |  | 0,75 |
| **Các thể (trạng thái) của chất (5 tiết)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **1,5** |
|  1. Sự đa dạng của các chất (1 tiết)  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| 2. Ba thể (trạng thái) cơ bản của chất; tính chất và sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất (4 tiết) | Ý 2 | 1 | Ý 5 |  |  |  |  |  | 2 | 1 | 1,25 |
| **Oxygen (oxi) và không khí (3 tiết)** | **Ý 3** |  | **Ý 6** |  |  |  |  |  | **2** |  | **1** |
| **Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)** | **Ý 4** | **2** | **Ý 7** | **2** |  |  | **Ý 11** |  | **3** | **4** | **2,5** |
| **Số câu TN, số ý TL** | **4** | **8** | **3** | **6** | **3** | **2** | **1** | **0** | **11** | **16** | 10,0 |
| **Điểm số** | **2,0** | **2,0** | **1,5** | **1,5** | **1,5** | **0,5** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10,0** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | **3,0 điểm** | **2,0 điểm** | **1,0 điểm** | **10 điểm** | **10 điểm** |

**ii. BẢN ĐẶC TẢ**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | **Câu hỏi** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TL(Số ý) | TN(Số câu) | TL(Số ý) | TN(Số câu) |
| **Mở đầu (7 tiết)** |  |  |  |  |
| 1. Giới thiệu về Khoa học tự nhiên | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. |  | 1 |  | C1 |
| - Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  | 1 |  | C2 |
| 2. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên | **Thông hiểu** | - Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  | 1 |  | C3 |
| - Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  |  |  |  |
| 3. Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành | **Nhận biết** | - Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...). |  |  |  |  |
| - Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. | 1 | 1 | C17(1) | C4 |
| - Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  | 1 |  | C5 |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| - Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  | 1 |  | C6 |
| **Các phép đo (10 tiết)** |  |  |  |  |
| 1. Đo chiều dài | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật. |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Trình bày được được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. |  | 1 |  | C7 |
| **Vận dụng** | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước. |  |  |  |  |
| - Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  | 1 |  | C8 |
| - Đo được chiều dài của một vật bằng thước (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,.. |  |  |  |  |
| 2. Đo khối lượng | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật. |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. |  |  |  |  |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của cân. |  |  |  |  |
| - Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. | 1 |  | C19(8) |  |
| - Đo được khối lượng của một vật bằng cân (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| 3. Đo thời gian | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian. |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  | 1 |  | C9 |
| **Vận dụng** | - Dùng đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thời gian và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  | 1 |  | C10 |
| - Đo được thời gian bằng đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). | 1 |  | C19(9) |  |
| 4. Thang nhiệt độ Celsius - Đo nhiệt độ | **Nhận biết** | - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. |  |  |  |  |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của mỗi loại nhiệt kế. | 1 |  | C19(10) |  |
| - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Thiết lập được biểu thức quy đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Celsius sang thang nhiệt độ Fahrenheit, Kelvin và ngược lại. |  |  |  |  |
| **Các thể (trạng thái) của chất (4 tiết)** |  |  |  |  |
| Ba thể (trạng thái) cơ bản của chất.Tính chất và sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất | **Nhận biết** | - Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học). |  | 1 |  | C11 |
| - Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. | 1 | 1 | C17(2) | C12 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. |  |  |  |  |
| - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi. | 1 |  | C18(5) |  |
| - Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. |  |  |  |  |
| - Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất. |  |  |  |  |
| **Oxygen (oxi) và không khí (3 tiết)** |  |  |  |  |
| Oxygen (oxi) và không khí | **Nhận biết** | - Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). | 1 |  | C17(3) |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. |  |  |  |  |
| - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  |  |  |  |
| - Nêu được một số biện pháp để bảo vệ môi trường không khí. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |  |  |
| - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. | 1 |  | C18(6) |  |
| - Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| **Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)** |  |  |  |  |
| Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng | **Nhận biết** | Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. | 1 | 2 | C17(4) | C13, C14 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như:+ Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh, ...);+ Một số nhiên liệu (than, gas, xăng dầu, ...); sơ lược về an ninh năng lượng;+ Một số nguyên liệu (quặng, đá vôi, ...);+ Một số lương thực - thực phẩm. | 1 | 2 | C18(7) | C15, C16 |
| **Vận dụng cao** | - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm thông dụng. | 1 |  | C20(11) |  |
| - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm. |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO**TRƯỜNG THCS TRƯỜNG SƠN** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I****NĂM HỌC: 2022-2023****MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN - LỚP 6***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề* |

Họ và tên học sinh:………………………………….; Lớp:…………… SBD:……

|  |  |
| --- | --- |
| Điểm | Lời phê của giáo viên |

**I. PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM *(4,0 điểm)***

**Câu 1.** Khoa học tự nhiên bao gồm những lĩnh vực chính nào?

A. Vật lí, Sinh học, Thiên văn học, Hóa học, Văn học.

B. Vật lí, Sinh học, Thiên văn học, Khoa học Trái Đất, Hóa học.

C. Vật lí, Sinh học, Toán học, Hóa học, Tiếng anh.

D. Hóa học, Sinh học, Khoa học Trái Đất, Toán học, Lịch sử.

**Câu 2.** Các thành tựu của khoa học tự nhiên được áp dụng vào:

A. Công nghệ, để chế tạo ra các phương tiên phục vụ cho đời sống con người.

B. Sản xuất, để chế tạo ra các phương tiên phục vụ cho đời sống con người.

C. Công nghệ, để chế tạo ra các phương tiên phục vụ cho sản xuất phát triển kinh tế.

D. Đời sống và sản xuất, để tạo ra của cải, vật chất cho con người.

**Câu 3.** Lĩnh vực nào sau đây không thuộc về khoa học tự nhiên

 A. Sinh Hóa. B. Thiên văn. C. Lịch sử. D. Địa chất.

**Câu 4.** Hệ thống phóng đại của kính hiển vi bao gồm:

A. Thị kính, vật kính

B. Chân kính, thân kính, bàn kính, kẹp giữ mẫu

C. Ốc to (núm chỉnh thô), ốc nhỏ (núm chỉnh tinh)

D. Đèn chiếu sáng, gương, màn chắn.

**Câu 5.** Hành động nào sau đây không phù hợp với các quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

A. Chỉ tiến hành thí nghiệm khi có người hướng dẫn.

B. Nếm thử để phân biệt các loại hóa chất.

C. Thu dọn phòng thực hành, rửa sạch tay sau khi đã thực hành xong.

D. Mặc đồ bảo hộ, đeo kính, khẩu trang.

**Câu 6.** Một bạn dùng thước đo độ dài có ĐCNN là 0,2cm để đo độ dài cuốn sách giáo khoa. Trong các cách ghi kết quả đo dưới đây, cách ghi nào là đúng?

A. 240mm. B. 23cm. C. 24cm. D. 24,0cm.

**Câu 7.** Ví dụ nào dưới đây giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai so với hiện tượng thực tế:

A. Hòa tan đường vào nước, thấy đường tan hết.

B. Xít nước hoa lên quần, áo thấy có mùi thơm.

C. Sờ tay vào nước đá ta thấy lạnh.

D. Khi cho chiếc đũa vào cốc thủy tinh, quan sát ta thấy chiếc đũa biến dạng.

**Câu 8:** Đo chiều dài của chiếc bút chì theo cách nào sau đây là hợp lí nhất?

A.  B.

C.  D. 

**Câu 9.** Trường hợp nào dưới đây không thể ước được khoảng thời gian

A. Gọi điện hỏi thăm sức khỏe người thân lâu ngày không gặp.

B. Đi học bằng xe đạp từ nhà tới trường.

C. Thời gian nấu cơm chín.

D. Đổ nước vào bể đến khi đầy.

**Câu 10.** Thao tác nào là sai khi dùng cân đồng hồ?

A. Đặt vật cân bằng trên đĩa cân. B. Đọc kết quả khi cân khi đã ổn định.

C. Đặt mắt vuông góc với mặt đồng hồ. D. Đặt cân trên bề mặt không bằng phẳng.

**Câu 11.** Chỉ ra đâu là tính chất vật lí của chất

**A.** Nến cháy thành khí cacbon đi oxit và hơi nước. **B.** Bánh mì để lâu bị ôi thiu.

**C.** Bơ chảy lỏng khi để ngoài trời. **D.** Cơm nếp lên men thành rượu.

**Câu 12.** Sự nóng chảy là sự chuyển thể từ

A. thể rắn sang thể lỏng của chất. B. thể lỏng sang thể rắn của chất.

C. từ thể lỏng sang thể khí của chất. D. từ thể khí sang thể lỏng của chất.

**Câu 13.** Trong các vật liệu sau, vật liệu nào dẫn điện tốt?

A. Thủy tinh           B. Kim loại           C. Cao su             D. Gốm

**Câu 14.** Nguyên liệu nào sau đây được sử dụng trong lò nung vôi?

A. Đá vôi.                B. Đất sét. C. Gạch D. Cát

**Câu 15.** Cây trồng nào sau đây không được xem là cây lương thực?

A. Lúa gạo. B. Ngô. C. Mía. D. Lúa mì.

**Câu 16.** Để sử dụng gas tiết kiệm, hiệu quả người ta sử dụng biện pháp nào dưới đây?

A. Tùy nhiệt độ cần thiết để điểu chỉnh lượng gas.

B. Tốt nhất nên để gas ở mức độ nhỏ nhất.

C. Tốt nhất nên để gas ở mức độ lớn nhất.

D. Ngăn không cho khí gas tiếp xúc với carbon dioxide.

**II. PHẦN CÂU HỎI, BÀI TẬP TỰ LUẬN *(6,0 điểm)***

**Câu 17** *(1,5 điểm).*

Đọc đoạn thông tin sau và trả lời các câu hỏi.

**MỘT SỐ LOẠI NHIÊN LIỆU CỦA TƯƠNG LAI**

Trong những năm tới, rất có thể bạn sẽ thường xuyên thấy những chiếc ô tô chạy bằng những nhiên liệu dưới đây.

***Hydrogen***

Các nhà sản xuất đang lên kế hoach nạp hydrogen vào ô tô như các loại xăng dầu thông thường. Khi đó, hydrogen sẽ chuyển hóa năng lượng hóa học thành điện năng và cung cấp cho hoạt động của chiếc xe. Tất cả những gì xe thải ra trong quá trình vận hành sẽ chỉ là nước.

***Dầu diesel sinh học***

 Diesel sinh học là loại nhiên liệu được sản xuất từ dầu thực vật hay mỡ động vật để trở thành nhiên liệu cho xe. Nó được đánh giá là một nhiên liệu sạch với mức khí thải thấp hơn nhiều so với các loại nhiên liệu thông thường. Hơn nữa, vì đuộc sản xuất từ các nguyên liệu rẻ, sẵn có như đậu tương nên diesel sinh học giúp các quốc gia giảm sự phụ thuộc vào nguồn dầu nhập khẩu.

***Nhiên liệu pha ethanol***

Thông thường, ethanol được sản xuất từ quá trình lên men ngũ cốc như ngô. Đây là một nguồn nhiên liệu sạch và sản sinh khí nhà kính thấp hơn so với các loại khác. Ethanol được đưa vào xe sau sau khi đã pha trộn với xăng tùy theo từng nồng độ khác nhau. Nhiều quốc gia hiện nay đang sử dụng E85 với tỉ lệ pha trộn 85% ethanol và 15% xăng về thể tích.

*(Theo http://mt.gov.vn/)*

1. Vì sao hydrogen được coi là nhiên liệu không gây ô nhiễm môi trường?
2. Sử dụng các nhiên liệu như hydrogen, dầu diesel sinh học, … có lợi gì đối với an ninh năng lượng của mỗi quốc gia?
3. Em hãy tính trong 10 lít xăng E85 có bao lít ethanol và bao nhiêu lít xăng.

**Câu 18** *(1,5 điểm)*

a) Em hãy mô tả 2 quá trình chuyển đổi từ thể rắn sang thể lỏng và ngược lại mà em hay gặp trong đời sống.

b) Hãy liệt kê các hoạt động thường ngày của bản thân có thể gây ô nhiễm môi trường không khí.

c) Kể một số việc cần làm khi chế biến lương thực – thực phẩm để bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

**Câu 19.** *(1,5 điểm)*

**Cân đồng hồ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a) Quan sát hình bên, cho biết giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của nhiệt kế và cân.b) Để thực hiện đo thời gian khi đi từ cổng trường vào lớp học, em dùng loại đồng hổ nào? Giải thích sự lựa chọn của em. | **Nhiệt kế** |  |

**Câu 20** *(1.5 điểm)*

Trung bình mỗi giờ, một người lớn hít vào khoảng 500 lít không khí.

a) Trong một ngày đêm, mỗi người lớn hít vào khoảng bao nhiêu lít không khí?

b) Biết cơ thể người giữ lại 1/3 lượng oxygen trong không khí và lượng oxygen chiếm khoảng 1/5 thể tích không khí.

 Một ngày đêm, mỗi người cần trung bình bao nhiêu lít oxygen?

**Bài làm**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT AN LÃO****TRƯỜNG THCS TRƯỜNG SƠN** | **HD CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I****NĂM HỌC 2022-2023****MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN - LỚP 6** |

**I. PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (4,0 *điểm*)**

***- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| 1 | B | 5 | B | 9 | A | 13 | B |
| 2 | A | 6 | D | 10 | D | 14 | A |
| 3 | A | 7 | D | 11 | B | 15 | C |
| 4 | B | 8 | B | 12 | A | 16 | A |

**II. PHẦN BÀI TẬP, CÂU HỎI TỰ LUẬN (6,0 *điểm*)**

**Câu 17 *( 1,5 điểm):***

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm** |
| a. Xe chạy bằng nhiên liệu hydrogen chỉ thải ra nước, không gây ô nhiễm môi trường.b. Các quốc gia sẽ có những nguồn năng lượng sạch, rẻ, bảo đảm nhu cầu sử dụng, giảm sự phụ thuộc vào dầu nhập khẩu.c. Trong 10 lít xăng E85 có 8,5 lít lít ethanol và 1,5 lít nhiêu lít xăng. | 0.50.50.5 |

**Câu 18 *(1,5 điểm):***

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm** |
| a) Sự chuyển thể của mỡ lợn: Khi đun nóng, mỡ lợn chuyển dần từ thể rắn sang thể lỏng; khi để nguội và gặp lạnh, mỡ lợn lại chuyển từ thể lỏng sang thể rắn. Sự chuyển thể của nến: Khi đốt nóng, nến chuyển dẩn từt hể rắn sang thể lỏng; khi để nguội nến lại chuyển từ thể lỏng sang thể rắn. | 0.250.25 |
| b) Liệt kê được các hoạt động như đốt rác thải, sử dụng điện không tiết kiệm.c) Một số việc cần làm khi chế biến lương thực – thực phẩm để bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm: - Sử dụng gang tay, khẩu trang, tạp dề.- Rửa sạch thực phẩm trước khi chế biến.- Rửa tay sạch sau khi tiếp xúc thực phẩm sống.- Nấu chín các thực phẩm trước khi ăn.... | 0.50.5 |

**Câu 19** ***(1,5 điểm):***

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm** |
| a) Nhiệt kế: GHĐ: 500C, ĐCNN: 20C; Cân: GHĐ: 20 Kg, ĐCNN: 0,2 Kg | 1 |
| b) Khoảng thời gian đi bộ từ cổng trường vào lớp học khá ngắn, nên để chính xác nên để thực hiện đo thời gian khi đi từ cổng trường vào lớp học, em dùng loại đổng hổ bấm giây. | 0.5 |

**Câu 20** ***(1,5 điểm):***

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm** |
| a) Một ngày đêm, mỗi người lớn hít vào khoảng: 500.24 = 12000 lít không khí.b) Lượng oxygen chiếm khoảng 1/5 thể tích không khí.Cơ thể người giữ lại 1/3 lượng oxygen trong không khí Một ngày đêm, mỗi người cần trung bình lượng khí oxygen là:                                     Sách bài tập Khoa học tự nhiên lớp 6 Bài 7: Oxygen và không khí | Giải SBT KHTN 6 Cánh diều | 0.50.50,5 |

***\* Lưu ý :*** *Có nhiều cách làm khác nhau, nếu học sinh làm đúng vẫn cho điểm tối đa theo điểm phần đó.*